



tú piàn
图片

Noun · picture; photograph

Example Sentences

zhè zhāng tú piàn hěn piào liang
这张图片很漂亮。

This picture is very beautiful.

zhè liǎng zhāng tú piàn yǒu bù fēn chóng dié
这两张图片有部分重叠。

These two pictures partially overlap

wǒ men xū yào suō xiǎo tú piàn de chǐ cùn
我们需要缩小图片的尺寸。

We need to shrink the size of the picture.

Trace each character, then write the word on your own.

图	图	图	图	图	图	图	图	图	图	图
片	片	片	片	片	片	片				